Fpt University

FPT POLYTECHNIC

Bài 10

Các tính năng ConditionFormatting, Filter, Data Validation…

Conditional Formatting:

Tính năng định dạng có điều kiện được Excel hỗ trợ, cho phép áp dụng định dạng cho 1 ô hay nhiều ô trong bảng tính, Excel sẽ tự động thay đổi định dạng tùy theo giá trị ô hay giá trị của công thức.

- *Định dạng theo điều kiện có sẵn*
- *Định dạng theo quy tắc*

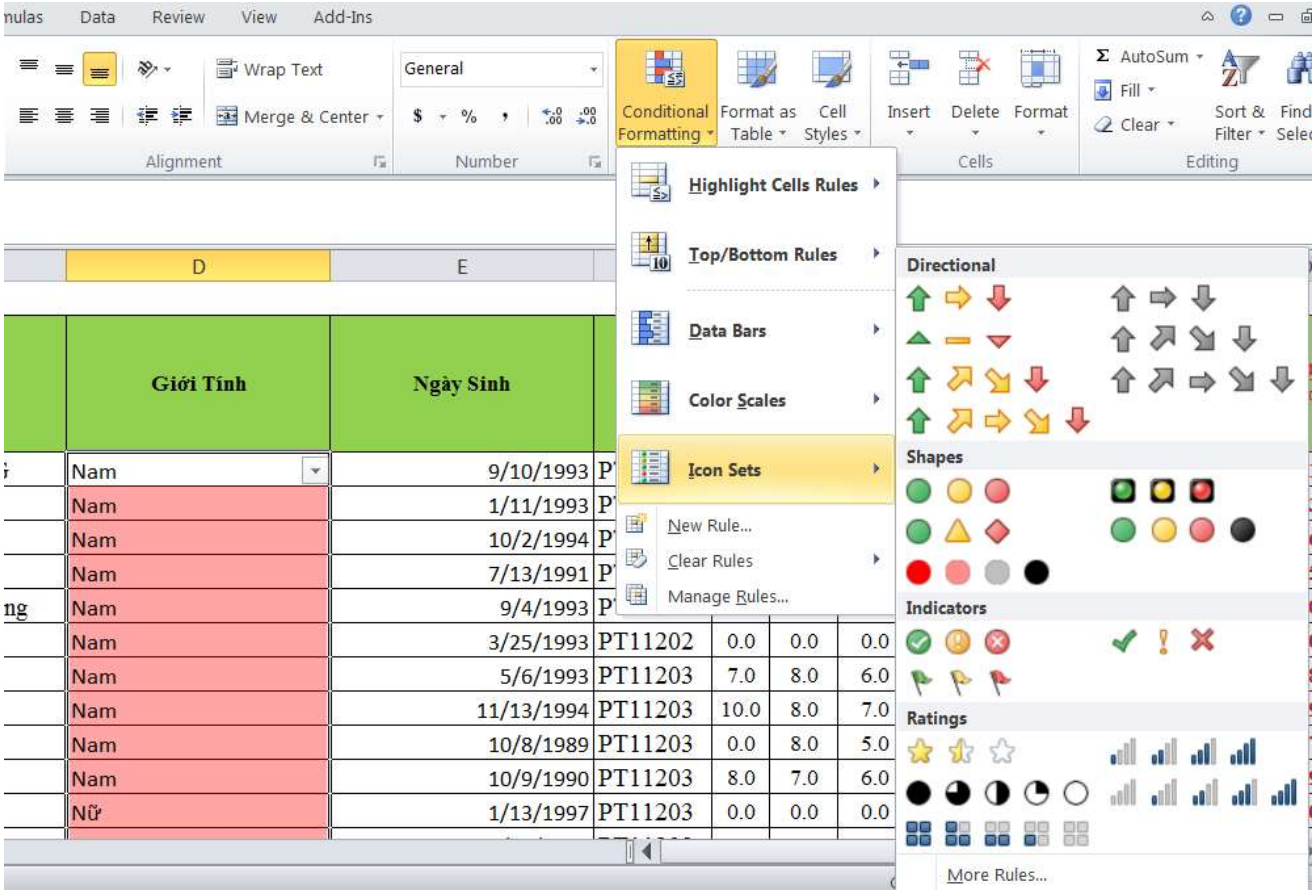
Data
Review
View
Add-Ins
Wrap Text
Merge & Center
Alignment
General
Number
Conditional Formatting
Format as Table
Cell Styles
Insert
Delete
Format
Cells
AutoSum
Fill
Clear
Sort & Filter
Editing
Highlight Cells Rules
Top/Bottom Rules
Data Bars
Color Scales
Icon Sets
New Rule...
Clear Rules
Manage Rules...
Directional
Shapes
Indicators
Ratings
More Rules...
D
E
Giới Tính
Ngày Sinh
Nam 9/10/1993
Nam 1/11/1993
Nam 10/2/1994
Nam 7/13/1991
Nam 9/4/1993
Nam 3/25/1993 PT11202 0.0 0.0 0.0
Nam 5/6/1993 PT11203 7.0 8.0 6.0
Nam 11/13/1994 PT11203 10.0 8.0 7.0
Nam 10/8/1989 PT11203 0.0 8.0 5.0
Nam 10/9/1990 PT11203 8.0 7.0 6.0
Nữ 1/13/1997 PT11203 0.0 0.0 0.0

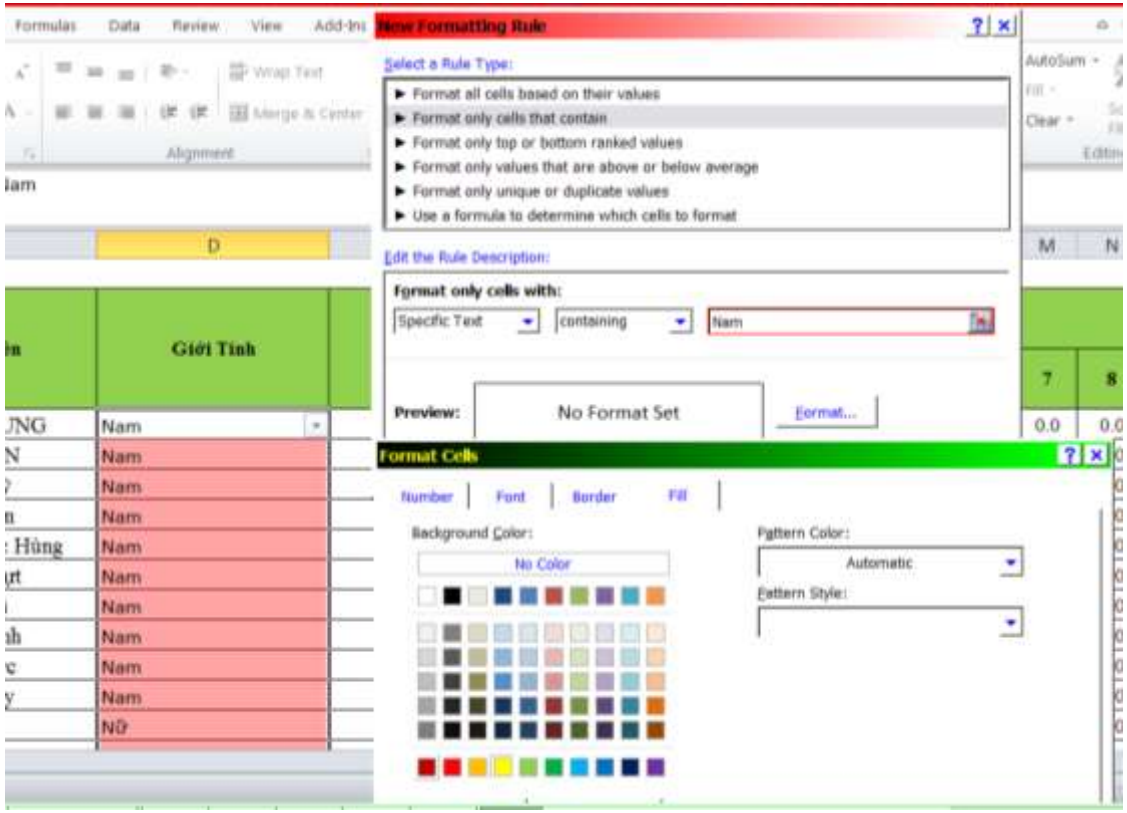
New Formatting Rule
Select a Rule Type:
Format all cells based on their values
Format only cells that contain
Format only top or bottom ranked values
Format only values that are above or below average
Format only unique or duplicate values
Use a formula to determine which cells to format
Edit the Rule Description:
Format only cells with:
Specific Text
containing
Nam
Preview:
No Format Set
Format...
Format Cells
Number
Font
Border
Fill
Background Color:
No Color
Pattern Color:
Automatic
Pattern Style:
Giới Tính
Nam
NỮ

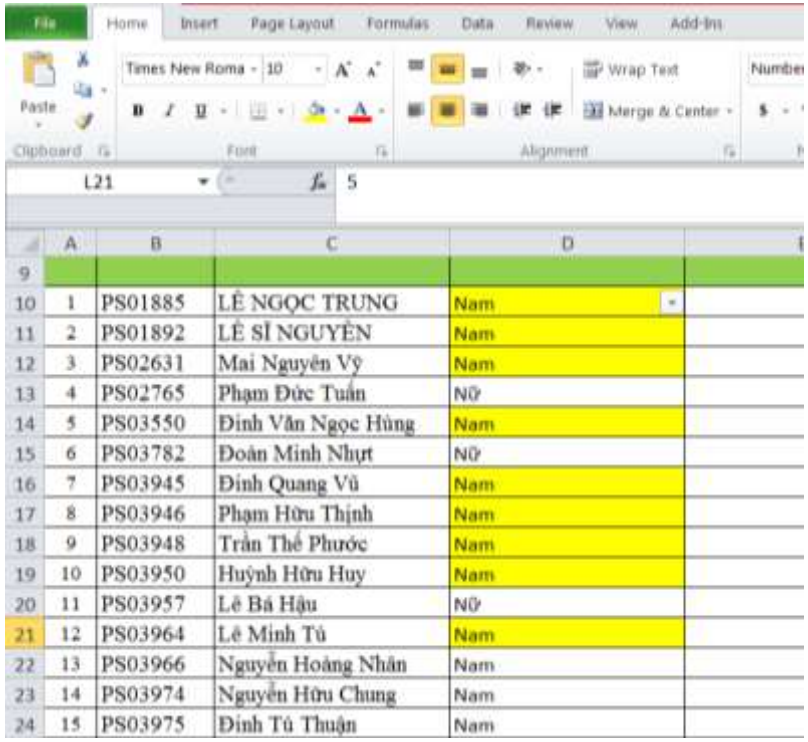

	A	B	C	D
9				
10	1	PS01885	LÊ NGỌC TRUNG	Nam
11	2	PS01892	LÊ SĨ NGUYÊN	Nam
12	3	PS02631	Mai Nguyên Vỹ	Nam
13	4	PS02765	Phạm Đức Tuấn	Nữ
14	5	PS03550	Đinh Văn Ngọc Hùng	Nam
15	6	PS03782	Đoàn Minh Nhựt	Nữ
16	7	PS03945	Đinh Quang Vũ	Nam
17	8	PS03946	Phạm Hữu Thịnh	Nam
18	9	PS03948	Trần Thế Phước	Nam
19	10	PS03950	Huỳnh Hữu Huy	Nam
20	11	PS03957	Lê Bá Hậu	Nữ
21	12	PS03964	Lê Minh Tú	Nam
22	13	PS03966	Nguyễn Hoàng Nhân	Nam
23	14	PS03974	Nguyễn Hữu Chung	Nam
24	15	PS03975	Đinh Tú Thuận	Nam

Data Validation

Data Validation: có chức năng kiểm duyệt thông tin nhập vào.

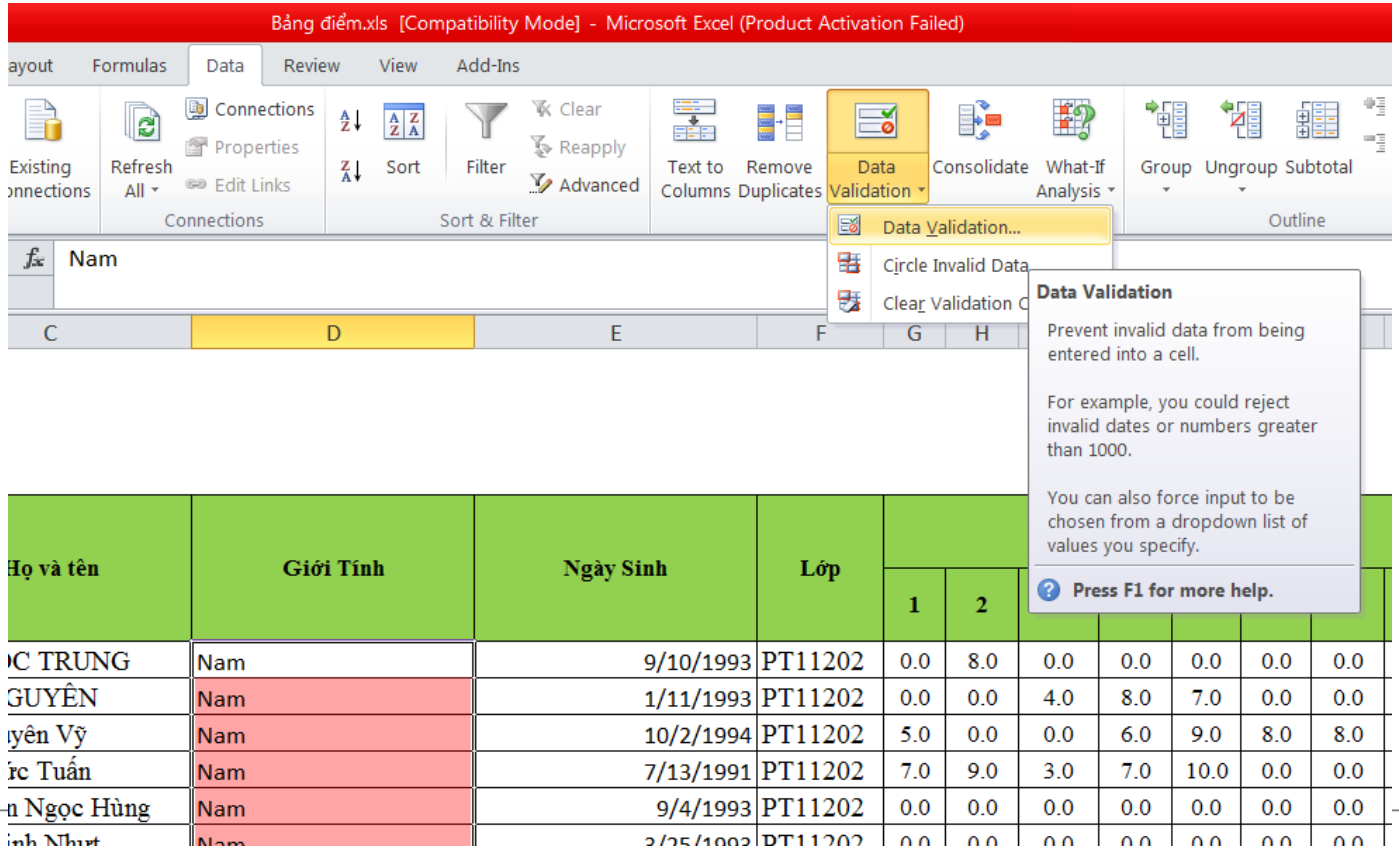

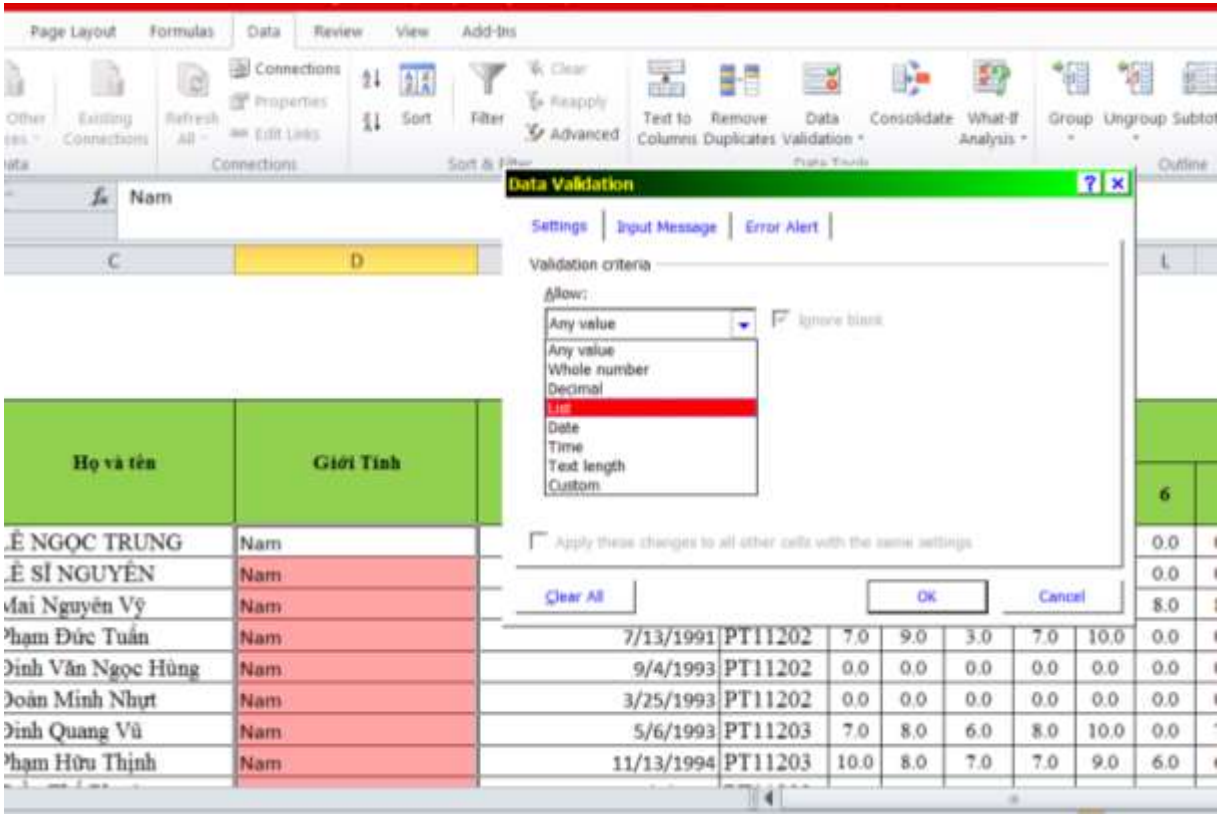
Page Layout
Formulas
Data
Review
View
Add-Ins
Connections
Properties
Edit Links
Refresh All
Existing Connections
Sort
Filter
Clear
Reapply
Advanced
Text to Columns
Remove Duplicates
Data Validation
Consolidate
What-If Analysis
Group
Ungroup
Subtot
Connections
Sort & Filter
Outline
Nam
Data Validation
Settings
Input Message
Error Alert
Validation criteria
Allow:
Any value
Ignore blank
Any value
Whole number
Decimal
List
Date
Time
Text length
Custom
Apply these changes to all other cells with the same settings
Clear All
OK
Cancel
Họ và tên
Giới Tính
LÊ NGỌC TRUNG
LÊ SĨ NGUYÊN
Mai Nguyên Vỹ
Phạm Đức Tuấn
Đinh Văn Ngọc Hùng
Đoàn Minh Nhựt
Đinh Quang Vũ
Phạm Hữu Thịnh
Nam
7/13/1991 PT11202 7.0 9.0 3.0 7.0 10.0 0.0
9/4/1993 PT11202 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0
3/25/1993 PT11202 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0
5/6/1993 PT11203 7.0 8.0 6.0 8.0 10.0 0.0
11/13/1994 PT11203 10.0 8.0 7.0 7.0 9.0 6.0

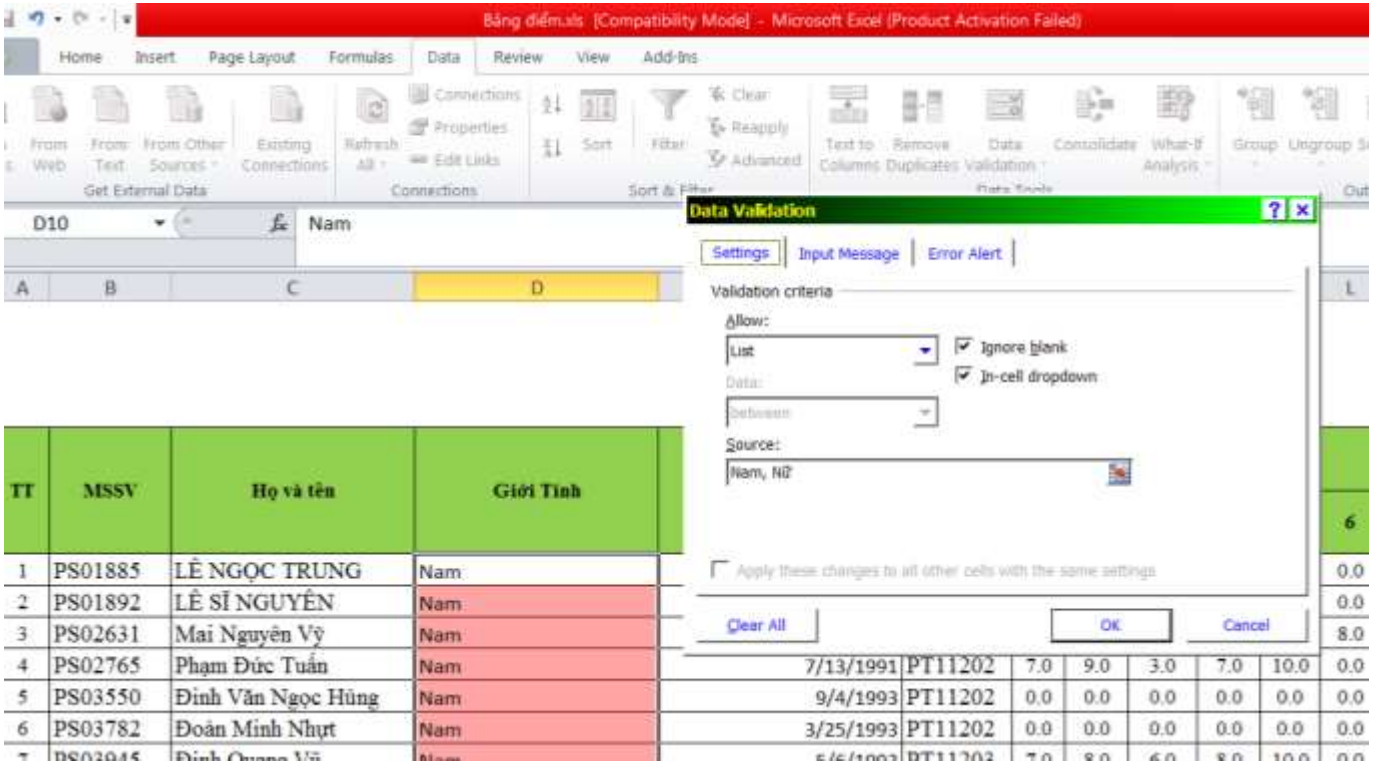
Bảng điểm.xls [Compatibility Mode] - Microsoft Excel (Product Activation Failed)
Home
Insert
Page Layout
Formulas
Data
Review
View
Add-Ins
Get External Data
Connections
Sort & Filter
Data Tools
D10
Nam
Data Validation
Settings
Input Message
Error Alert
Validation criteria
Allow:
List
Ignore blank
In-cell dropdown
Source:
Nam, Nữ
Apply these changes to all other cells with the same settings
Clear All
OK
Cancel
TT
MSSV
Họ và tên
Giới Tính
1 PS01885 LÊ NGỌC TRUNG Nam
2 PS01892 LÊ SĨ NGUYÊN Nam
3 PS02631 Mai Nguyên Vỹ Nam
4 PS02765 Phạm Đức Tuấn Nam 7/13/1991 PT11202 7.0 9.0 3.0 7.0 10.0 0.0
5 PS03550 Đinh Văn Ngọc Hùng Nam 9/4/1993 PT11202 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0
6 PS03782 Đoàn Minh Nhựt Nam 3/25/1993 PT11202 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0 0.0

Thực hiện bài tập 10

- Sinh viên thực hiện bài tập 10

Các yêu cầu 1, 2.

Filter

Có 2 loại: Filter và Advance Filter

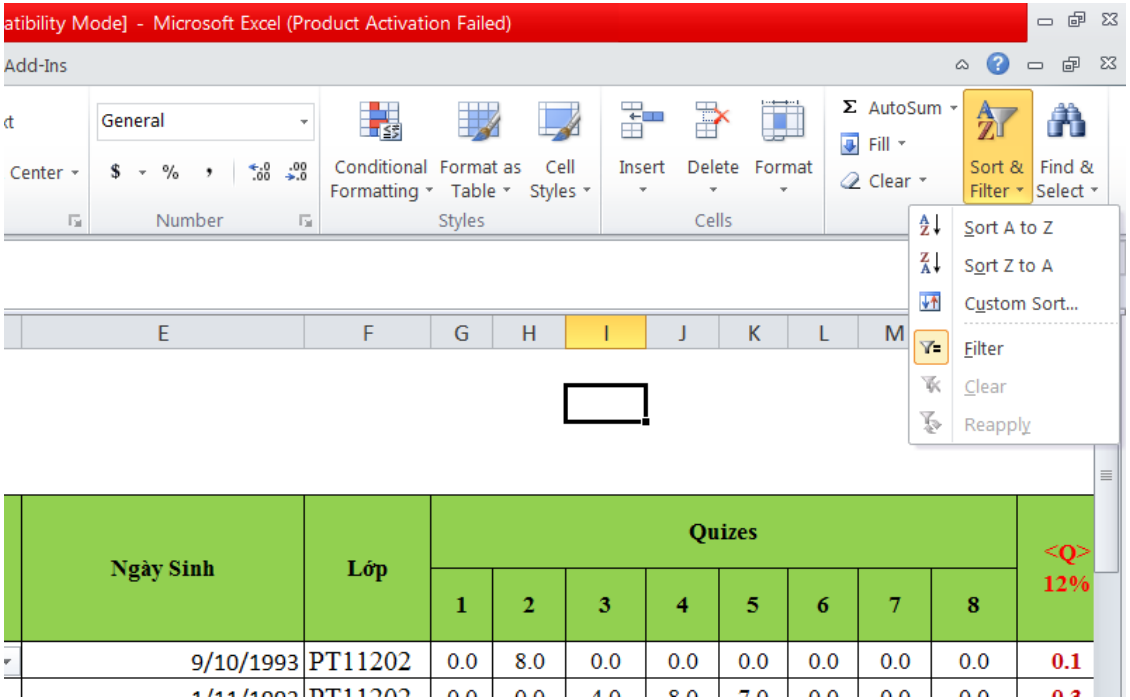

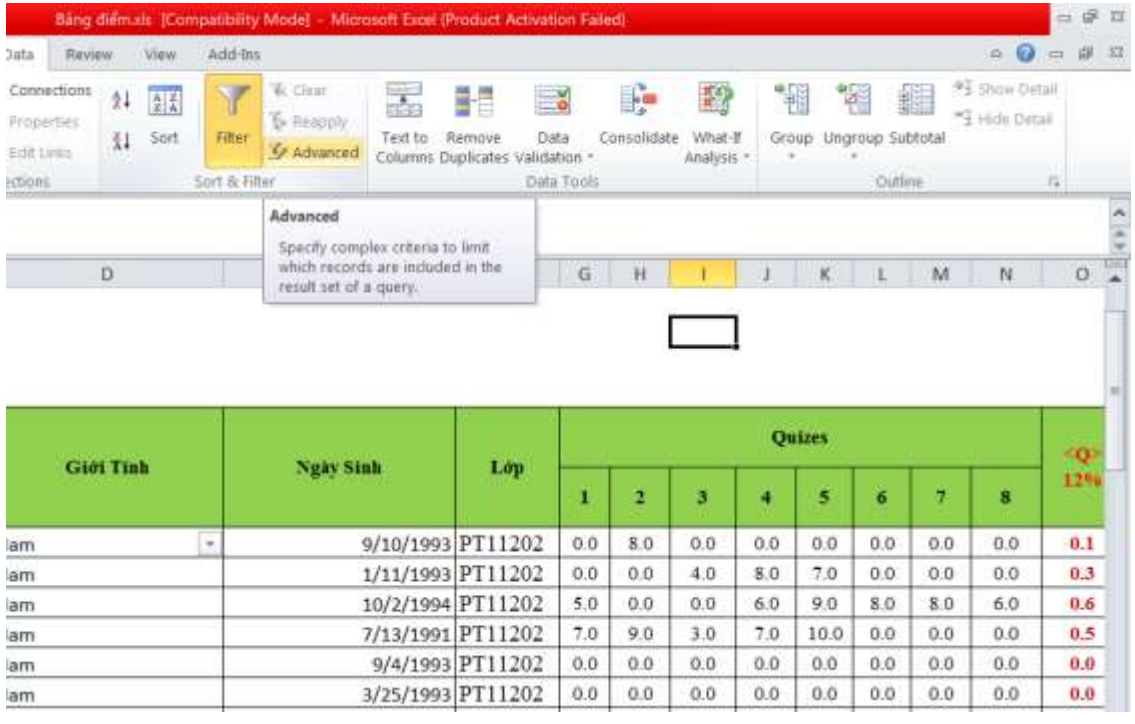

Giới Tính	Ngày Sinh	Lớp	Quizes								<Q> 12%
			1	2	3	4	5	6	7	8	
lam	9/10/1993	PT11202	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1
lam	1/11/1993	PT11202	0.0	0.0	4.0	8.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.3
lam	10/2/1994	PT11202	5.0	0.0	0.0	6.0	9.0	8.0	8.0	6.0	0.6
lam	7/13/1991	PT11202	7.0	9.0	3.0	7.0	10.0	0.0	0.0	0.0	0.5
lam	9/4/1993	PT11202	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
lam	3/25/1993	PT11202	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Comment có hình ảnh

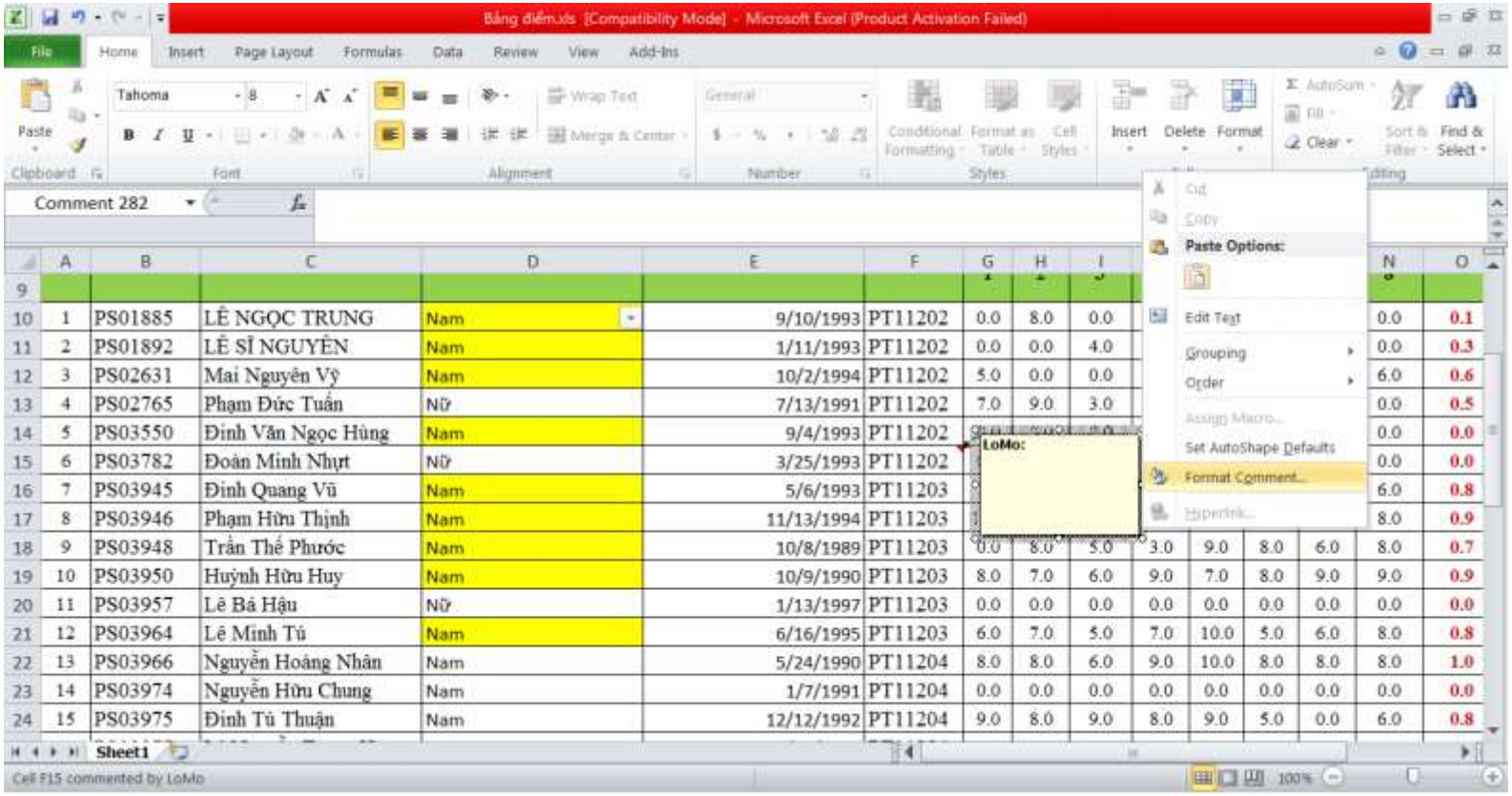

	A	B	C	D	E	F	G	H	I					N	O
9															
10	1	PS01885	LÊ NGỌC TRUNG	Nam	9/10/1993	PT11202	0.0	8.0	0.0					0.0	0.1
11	2	PS01892	LÊ SĨ NGUYÊN	Nam	1/11/1993	PT11202	0.0	0.0	4.0					0.0	0.3
12	3	PS02631	Mai Nguyên Vỹ	Nam	10/2/1994	PT11202	5.0	0.0	0.0					6.0	0.6
13	4	PS02765	Phạm Đức Tuấn	Nữ	7/13/1991	PT11202	7.0	9.0	3.0					0.0	0.5
14	5	PS03550	Đinh Văn Ngọc Hùng	Nam	9/4/1993	PT11202								0.0	0.0
15	6	PS03782	Đoàn Minh Nhựt	Nữ	3/25/1993	PT11202								0.0	0.0
16	7	PS03945	Đinh Quang Vũ	Nam	5/6/1993	PT11203								6.0	0.8
17	8	PS03946	Phạm Hữu Thịnh	Nam	11/13/1994	PT11203								8.0	0.9
18	9	PS03948	Trần Thế Phước	Nam	10/8/1989	PT11203	0.0	8.0	5.0	3.0	9.0	8.0	6.0	8.0	0.7
19	10	PS03950	Huỳnh Hữu Huy	Nam	10/9/1990	PT11203	8.0	7.0	6.0	9.0	7.0	8.0	9.0	9.0	0.9
20	11	PS03957	Lê Bá Hậu	Nữ	1/13/1997	PT11203	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
21	12	PS03964	Lê Minh Tú	Nam	6/16/1995	PT11203	6.0	7.0	5.0	7.0	10.0	5.0	6.0	8.0	0.8
22	13	PS03966	Nguyễn Hoàng Nhân	Nam	5/24/1990	PT11204	8.0	8.0	6.0	9.0	10.0	8.0	8.0	8.0	1.0
23	14	PS03974	Nguyễn Hữu Chung	Nam	1/7/1991	PT11204	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
24	15	PS03975	Đinh Tú Thuận	Nam	12/12/1992	PT11204	9.0	8.0	9.0	8.0	9.0	5.0	0.0	6.0	0.8

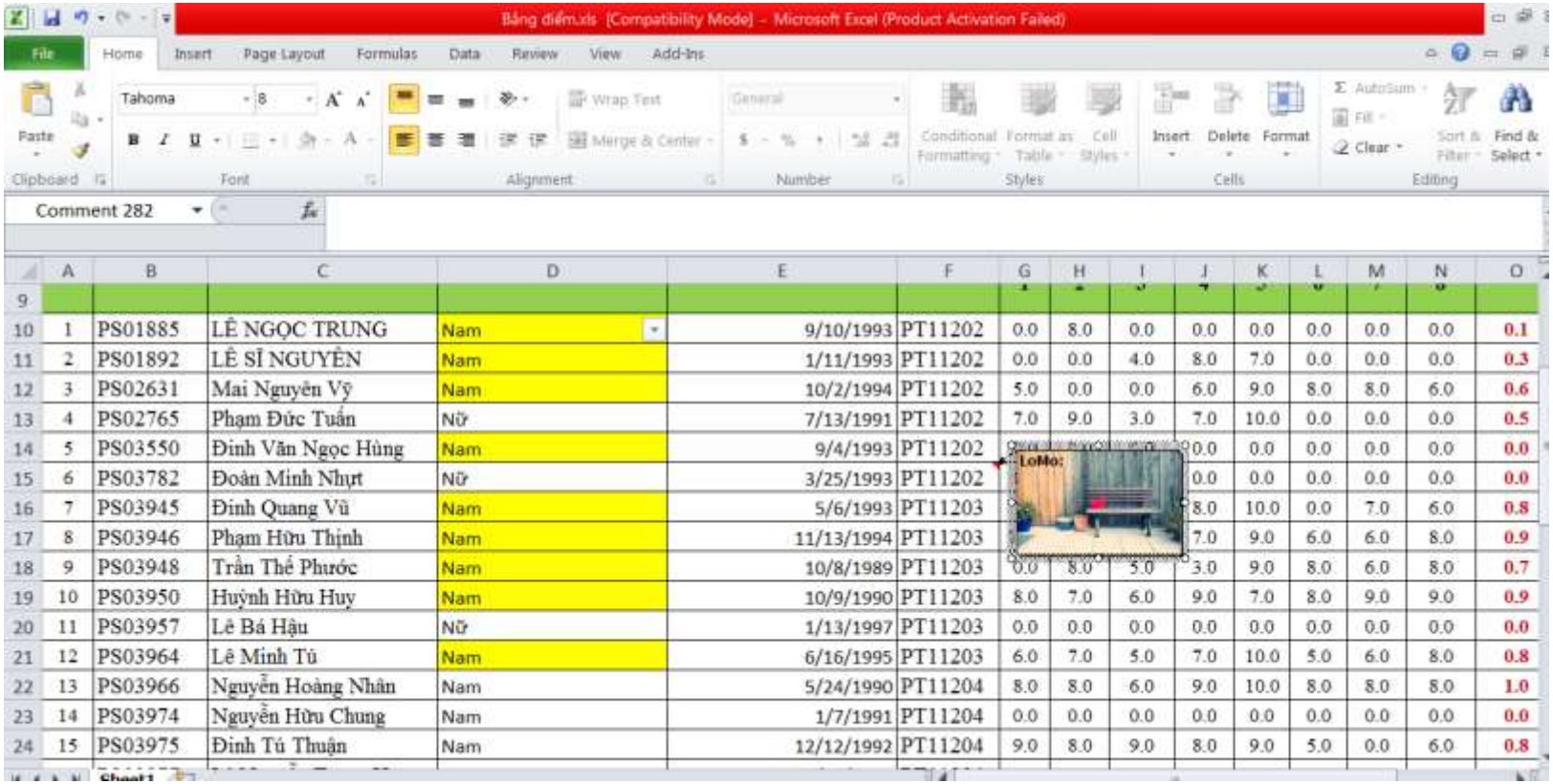

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O
9															
10	1	PS01885	LÊ NGỌC TRUNG	Nam	9/10/1993	PT11202	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1
11	2	PS01892	LÊ SĨ NGUYÊN	Nam	1/11/1993	PT11202	0.0	0.0	4.0	8.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.3
12	3	PS02631	Mai Nguyên Vỹ	Nam	10/2/1994	PT11202	5.0	0.0	0.0	6.0	9.0	8.0	8.0	6.0	0.6
13	4	PS02765	Phạm Đức Tuấn	Nữ	7/13/1991	PT11202	7.0	9.0	3.0	7.0	10.0	0.0	0.0	0.0	0.5
14	5	PS03550	Đinh Văn Ngọc Hùng	Nam	9/4/1993	PT11202				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
15	6	PS03782	Đoàn Minh Nhựt	Nữ	3/25/1993	PT11202				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
16	7	PS03945	Đinh Quang Vũ	Nam	5/6/1993	PT11203				8.0	10.0	0.0	7.0	6.0	0.8
17	8	PS03946	Phạm Hữu Thịnh	Nam	11/13/1994	PT11203				7.0	9.0	6.0	6.0	8.0	0.9
18	9	PS03948	Trần Thế Phước	Nam	10/8/1989	PT11203	0.0	8.0	5.0	3.0	9.0	8.0	6.0	8.0	0.7
19	10	PS03950	Huỳnh Hữu Huy	Nam	10/9/1990	PT11203	8.0	7.0	6.0	9.0	7.0	8.0	9.0	9.0	0.9
20	11	PS03957	Lê Bá Hậu	Nữ	1/13/1997	PT11203	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
21	12	PS03964	Lê Minh Tú	Nam	6/16/1995	PT11203	6.0	7.0	5.0	7.0	10.0	5.0	6.0	8.0	0.8
22	13	PS03966	Nguyễn Hoàng Nhân	Nam	5/24/1990	PT11204	8.0	8.0	6.0	9.0	10.0	8.0	8.0	8.0	1.0
23	14	PS03974	Nguyễn Hữu Chung	Nam	1/7/1991	PT11204	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
24	15	PS03975	Đinh Tú Thuận	Nam	12/12/1992	PT11204	9.0	8.0	9.0	8.0	9.0	5.0	0.0	6.0	0.8

Thực hiện bài tập 10 (tt)

- Sinh viên thực hiện bài tập 10

  Các yêu cầu 3, 4,5.

Tổng kết bài học

- **ConditionFormatting**
- **Filter**
- **Data Validation**
- **...**

XIN CẢM ƠN!